

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lưu Ánh Nguyệt**

Các thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Tông**

Bà **Trương Thị Tuyền**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Võ Thanh Vy** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:*** Ông **Trần Văn Sự** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2018/TLPT – DS ngày 13 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2018/DSST ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 158/2018/QĐ-PT ngày 18 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Chị **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1973;

Cư trú tại: khu phố R, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh. (Vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Thị Thu H: Anh Nguyễn Lâm Q, sinh năm 1980; cư trú tại: Ấp T, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh – Là người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền ngày 26/7/2018).

2. Bị đơn: Chị **Lê Thị Huỳnh C**, sinh năm 1977;

Cư trú tại: tổ 18, ấp S, xã Đ, huyện G, tỉnh Tây Ninh. (Vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của chị C: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm: 1960; cư trú tại: đường T, Khu phố X, Phường Y, thành phố N, tỉnh Tây Ninh – Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 06/11/2018). (Có mặt)

Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1973;

Cư trú tại: tổ 18, ấp S, xã Đ, huyện G, tỉnh Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- 3.1. Chị **Trần Hải Y**, sinh năm 1977;
Cư trú tại: Ô 2, ấp B, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh. (Vắng mặt)
- 3.2. Anh **Huỳnh Hữu T1**, sinh năm 1972;
Cư trú tại: khu phố R, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).
4. Người kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H.
5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H cùng người đại diện theo ủy quyền của chị là anh Nguyễn Lâm Q trình bày: Chị H và vợ chồng chị C, anh T quen biết do trước đó chị C nhiều lần vay tiền của Chị H. Chị H yêu cầu chị C anh T có nghĩa vụ trả cho chị các khoản tiền vay còn nợ lại, gồm:

Số tiền 140.000.000 đồng, vay vào ngày 16-6-2016, thời hạn vay là 05 tháng, lãi suất 3%/tháng. Sau khi vay chị C trả được 50.000.000 đồng tiền vốn vào ngày 01-9-2016, lãi chưa trả được khoản nào cả. Lúc đầu chị tính số này chị C trả tiền lãi nhưng chị C không chấp nhận cho rằng trả vốn nên chị đồng ý. Như vậy chị rút yêu cầu với số tiền 50.000.000 đồng so với đơn khởi kiện.

Số tiền 600.000.000 đồng vay ngày 15-8 (giấy nợ không ghi năm nhưng chị cho vay vào năm 2017), số tiền này chị C chưa trả khoản vốn lãi nào cả.

Chị H yêu cầu vợ chồng chị C có nghĩa vụ trả cho chị các khoản tiền vốn trên. Đối với lãi suất Chị H yêu cầu tính cho cả hai khoản vay đều từ ngày 25-12-2017 (ngày Tòa án thụ lý vụ án) cho đến ngày xét xử. Khoản vay 90.000.000 đồng mức lãi suất 13,5%/năm, tức số tiền lãi là 6.784.000 đồng; khoản vay 600.000.000 đồng, mức lãi suất 20%/năm tức số tiền lãi là 67.000.000 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 667.000.000 đồng.

Tài sản chị cho vay là tài sản chung của vợ chồng nên chị yêu cầu vợ chồng chị C có nghĩa vụ trả cho vợ chồng chị toàn bộ số vốn và lãi nói trên.

Ngoài ra vào ngày 02-5-2018 Chị H có khởi kiện bổ sung yêu cầu chị C trả chị số tiền 70.000.000 đồng (là khoản tiền Chị H trả cho chị Y thay cho chị C nhưng chị C chưa trả lại chị). Đến ngày 24-5-2018 Chị H rút yêu cầu khởi kiện đối với số này. Lý do để chị yêu cầu trong vụ kiện khác.

Bị đơn chị Lê Thị Huỳnh C, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị thừa nhận vợ chồng chị có vay của Chị H số tiền 140.000.000 đồng, chị đã trả được 50.000.000 đồng vào các ngày vay và trả như lời Chị H trình bày là đúng, hiện còn nợ Chị H 90.000.000 đồng, Chị H yêu cầu cả chị và chồng chị có nghĩa vụ trả vốn và lãi như trên chị chấp nhận.

Đối với khoản vay 600.000.000 đồng, chị thừa nhận có vay khoản tiền này. Theo giấy nợ chị chỉ ghi ngày vay là 15-8, trên thực tế chị vay số tiền này vào năm 2016, không phải là năm 2017 như lời Chị H trình bày, giấy nợ có chữ ký của cả 02 vợ chồng chị nhưng chị vay tiền có 01 mình và ký thay cả chữ ký của chồng chị, chồng chị không biết và cũng không có liên quan gì đến số nợ này, chị vay tiền cho người khác vay lại để trả tiền ngân hàng (đáo hạn) và hưởng phần tiền lãi chênh lệch để sử dụng chung cho gia đình, chị không có tiêu xài gì riêng cho bản thân chị.

Sau khi vay, chị có trả lãi cho Chị H (cho cả hai khoản vay) nhưng chị không nhớ trả bao nhiêu và thời gian ngưng trả lãi là lúc nào, do không có chứng cứ gì chứng minh nên chị không có yêu cầu gì đối với phần lãi đã trả.

Đối với số tiền vốn ngày 01-12-2016, chị đã trả 600.000.000 đồng cho Chị H, người nhận tiền là anh T1 chồng của Chị H. Vì vậy, chị không còn nợ Chị H nên chị không đồng ý có nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu của Chị H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Hữu T1 trình bày tại phiên tòa sơ thẩm: Mọi vấn đề giao dịch vay mượn đều do vợ anh giao dịch với chị C và chị Y, anh chỉ là người nhận và giao tiền thay vợ anh lúc vợ anh có công việc đi vắng. Khi cho chị C vay số tiền 600.000.000 đồng, anh là người giao tiền và chị C là người viết giấy nợ, thời gian vay anh không nhớ, chị C ký giấy thay cho anh T vì lúc chị C vay không có anh T.

Đến chiều tối ngày 01-12-2016 anh có ký tên và nhận số tiền 600.000.000 đồng từ chị C, đến sáng ngày 02-12-2016 anh giao khoản tiền này cho chị Y. Ngoài ra anh không còn nhận khoản tiền 600.000.000 đồng nào khác từ chị C. Số tiền này chị C trả cho ai lúc đó anh không rõ, vì do vợ anh tính toán với chị Y và chị C. Sau này anh mới biết là chị C trả cho khoản vay của chị Y.

Anh chấp nhận theo lời trình bày và yêu cầu của vợ anh, tức yêu cầu vợ chồng chị C có nghĩa vụ trả cho vợ chồng anh số vốn và lãi như trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Hải Y trình bày: Ngày 04-11-2016 vợ chồng chị C có vay của chị số tiền 1.300.000.000 đồng, vì chị không quen biết chị C và tin tưởng Chị H nên toàn bộ các giao dịch đều do Chị H trực tiếp thỏa thuận với chị C, Chị H nhận tiền của chị và giao cho chị C, chị C ký giấy là nợ tiền của chị.

Sau khi vay, chị C có trả được cho chị số tiền 600.000.000 đồng vào ngày 02-12-2016, chị nhận tiền từ anh T1 tại nhà anh T1, khi giao tiền anh T1 có nói với chị là mới lấy tối hôm qua từ chị C. Số còn lại 700.000.000 đồng chị C không trả nên vào ngày 07-4-2017 chị khởi kiện chị C tại Tòa án nhân dân huyện G. Sau khi chị khởi kiện, chị C tiếp tục trả cho chị 620.000.000 đồng nữa, thành số tiền 1.220.000.000 đồng. Ngày 16-5-2017, chị rút đơn khởi kiện và Tòa án ra quyết định đình chỉ vụ án. Số nợ còn lại giữa chị và Chị H đã tính toán xong.

Tại kết luận giám định số 1958/C54B ngày 08-5-2018 của phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận không xác định được biên nhận ghi ngày 15-8 được viết vào thời gian nào.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 41/2018/DS - ST ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ các điều 147, 217, 218, 219 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 474 và 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; các điều 463, 465 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên xử:

1. Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H và anh Huỳnh Hữu T1 đối với chị Lê Thị Huỳnh C và anh Nguyễn Văn T.

Buộc chị Lê Thị Huỳnh C và anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Thu H và anh Huỳnh Hữu T1 số tiền 96.784.000 đồng (chín mươi sáu triệu, bảy trăm tám mươi bốn ngàn đồng), trong đó bao gồm 90.000.000 đồng tiền vốn và 6.784.000 đồng tiền lãi.

2. Không chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H và anh Huỳnh Hữu T1 đối với chị Lê Thị Huỳnh C và anh Nguyễn Văn T đối với số tiền yêu cầu là 667.000.000 đồng.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H đối với số tiền yêu cầu là 120.000.000 đồng. Chị H được quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu Tòa án đã đình chỉ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/7/2018, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị buộc vợ chồng chị C phải trả cho chị và anh T1 số tiền 600.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/7/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh có quyết định kháng nghị với nội dung:

- Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm đối với phần lãi suất của các khoản vay theo lãi suất do Ngân hàng Nhà nước công bố là 9%/năm.

- Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H buộc chị Lê Thị Huỳnh C và anh Nguyễn Văn T trả cho Chị H và anh T1 số tiền 600.000.000 đồng.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh trình bày:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc chấp hành của những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thu H, sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc vợ chồng chị C, anh T có trách nhiệm trả cho Chị H, anh T1 hai khoản nợ gốc 90.000.000 đồng và 600.000.000 đồng, số tiền gốc tổng cộng là 690.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của Chị H đối với khoản vay 600.000.000 đồng ghi ngày 15/8 Chị H khởi kiện chị C, anh T thì thấy rằng:

Chị Nguyễn Thị Thu H và chị Lê Thị Huỳnh C đều xác nhận Chị H có cho chị C vay số tiền 600.000.000 đồng vào ngày 15/8. Tuy nhiên, chị C trình bày chị vay 600.000.000 đồng của Chị H vào năm 2016 và đã trả vào ngày 01/12/2016, anh T1 (chồng Chị H) là người ký nhận tiền. Chị H cho rằng số tiền 600.000.000 đồng anh T1 nhận của chị C là để trả khoản nợ chị C vay của chị Trần Hải Y, số tiền 600.000.000 đồng trong biên nhận ngày 15/8 là chị C vay của Chị H vào năm 2017.

Chị H cho rằng giấy biên nhận chị C vay số tiền 600.000.000 đồng ngày 15/8 là vào năm 2017 nhưng Chị H không có căn cứ chứng minh biên nhận viết vào năm 2017.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, chị Y trình bày chị có cho chị C vay tiền tổng cộng số tiền 1.300.000.000 đồng, các lần giao dịch đều thông qua Chị H, anh T1 vì chị Y không quen biết với chị C. Sau đó chị C có trả cho chị Y một lần số tiền 600.000.000 đồng vào ngày 02/12/2016, do anh T1 nhận tiền từ chị C (ngày 01/12/2016) và giao cho chị Y. Còn lại số tiền 700.000.000 đồng chị C không trả nên ngày 07/4/2017, chị Y khởi kiện chị C số tiền 700.000.000 đồng. Sau đó, chị C có trả tiền cho chị Y 02 lần khoảng 620.000.000 đồng và đều thông qua anh T1. Ngày 22/4/2017, chị C có gút nợ đối với số tiền 1.300.000.000 đồng vay của chị Y, Chị H là người viết biên nhận ghi rõ “Phần Y H lãnh giùm còn lại”. Như vậy, có thể xác định việc vay mượn tiền giữa các bên là chị C vay của chị Y, thông qua Chị H và chị C đã trả tiền cho chị Y xong.

Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Chị H và phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc chị C, anh T trả cho Chị H và anh T1 số tiền 600.000.000 đồng.

[2] Xét kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh về lãi suất thì thấy rằng: Đối với khoản tiền nợ 140.000.000 đồng hai bên đã thống nhất chị C đã trả được 50.000.000 đồng và còn nợ lại 90.000.000 đồng. Đối với khoản vay này hai bên có thỏa thuận lãi suất nhưng không xác định rõ lãi suất. Phía nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 20%/năm, tuy nhiên chị C chỉ đồng ý tính lãi suất theo quy định của pháp luật. Do có tranh chấp về lãi suất, nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 phải áp dụng mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố là 9%/năm nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại áp dụng mức lãi suất 13,5%/năm là không phù hợp. Vì vậy, cần chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tính lại lãi suất cơ bản là 9%/năm (0,75%/tháng) đối với số tiền 90.000.000 đồng. Cụ thể số tiền lãi chị C, anh T phải trả cho Chị H, anh T1 đối với số tiền 90.000.000 đồng là:

$90.000.000 \text{ đồng} \times 6 \text{ tháng} \times 0,75\%/\text{tháng} = 4.522.500 \text{ đồng}.$

Như vậy, tổng cộng số tiền nợ gốc và tiền lãi chị C, anh T phải trả cho Chị H, anh T1 là 94.522.500 đồng. (Trong đó tiền vốn là 90.000.000 đồng và tiền lãi là 4.522.500 đồng)

[3] Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thu H, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, sửa bản án sơ thẩm về phần lãi suất theo hướng nhận định trên là phù hợp.

[4] Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên cần sửa tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên Chị H không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 147, 217, 218, 219 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 474 và 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; các điều 463, 465 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thu H.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm về phần lãi suất.

1. Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H và anh Huỳnh Hữu T1 đối với chị Lê Thị Huỳnh C và anh Nguyễn Văn T.

Buộc chị Lê Thị Huỳnh C và anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Thu H và anh Huỳnh Hữu T1 số tiền 94.522.500 đồng (Chín mươi bốn triệu năm trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng), trong đó bao gồm 90.000.000 đồng tiền vốn và 4.522.500 đồng tiền lãi.

2. Không chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H và anh Huỳnh Hữu T1 đối với chị Lê Thị Huỳnh C và anh Nguyễn Văn T đối với số tiền yêu cầu là 667.000.000 đồng.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H đối với số tiền yêu cầu là 120.000.000 đồng. Chị H được quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu Tòa án đã đình chỉ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về chi phí giám định: Buộc Chị H và anh T1 phải chịu 1.800.000 đồng. Ghi nhận Chị H đã nộp tiền tạm ứng 1.800.000 đồng và đã chi xong.

5. Về án phí:

5.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị Huỳnh C và anh Nguyễn Văn T phải chịu 4.726.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Buộc chị Nguyễn Thị Thu H và anh Huỳnh Hữu T1 phải chịu 30.680.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ghi nhận Chị H đã nộp 18.550.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo các biên lai gồm: Biên lai thu số 0012919 ngày 25-12-2017, số tiền 16.800.000 đồng và biên lai thu số 0013395 ngày 02-5-2018 số tiền 1.750.000 đồng nên được khấu trừ. Chị H và anh T1 còn phải nộp 12.130.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tất cả các biên lai thu đều của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu.

5.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu H không phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho Chị H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ng Chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008073 ngày 02/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Huyện Gò Dầu. Ghi nhận Chị H đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện G;
- CCTHADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án;
- Lưu: VT, (V).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Ánh Nguyệt